

CÂU HỎI ÔN TẬP HK1 – TIN HỌC 8

CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Câu 1: Máy tính trong dự án của Babbage có những đặc điểm gì?

- A. Máy tính cơ học, thực hiện tự động.
- B. Máy tính có những ứng dụng ngoài tính toán thuần túy.
- C. Có thiết kế giống với máy tính ngày nay.
- D. Cả ba đặc điểm trên.**

Câu 2: Nguyên lí thiết kế máy tính của Babbage là?

- A. loại máy tính đa năng
- B. thực hiện tính toán tự động
- C. có những ứng dụng ngoài tính toán thuần túy
- D. Cả 3 đáp án trên.**

Câu 3. Máy tính được Babbage thiết kế để làm gì?

- A. Thực hiện phép cộng
- B. Thực hiện phép trừ
- C. Thực hiện bốn phép tính số học
- D. Tính toán tự động và có nhiều ứng dụng khác.**

Câu 4. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ nhất là loại linh kiện điện tử nào?

- A. Đèn điện tử chân không**
- B. Bóng bán dẫn
- C. Mạch tích hợp
- D. Mạch tích hợp cỡ rất lớn.

Câu 5. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ hai là loại linh kiện điện tử nào?

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Bóng bán dẫn**
- C. Mạch tích hợp
- D. Mạch tích hợp cỡ rất lớn,

Câu 6. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ ba là loại linh kiện điện tử nào?

- A. Bóng bán dẫn
- B. Đèn điện tử chân không
- C. Mạch tích hợp**
- D. Bộ vi xử lí

Câu 7. Thế hệ máy tính nào bắt đầu sử dụng bàn phím và màn hình?

- A. Thế hệ đầu tiên
- B. Thế hệ thứ hai
- C. Thế hệ thứ ba**
- D. Thế hệ thứ tư.

Câu 8: Máy tính điện tử đã phát triển qua mấy thế hệ?

- A. Năm thế hệ**
- B. Ba thế hệ
- C. Bốn thế hệ
- D. Sáu thế hệ

Câu 9: Các thế hệ máy tính gắn liền với các tiến bộ công nghệ nào?

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Bóng bán dẫn, mạch tích hợp
- C. Vi xử lí, vi xử lí mật độ tích hợp siêu cao
- D. Cả 3 đáp án trên.**

Câu 10. Máy tính điện tử đầu tiên có tên là gì?

- A. ENIAC**
- B. IBM
- C. DELL
- D. UNIVAC

Câu 11: Những chiếc máy tính phát minh sau đó hướng tới đặc điểm gì?

- A. Nhỏ, nhẹ, tiêu thụ ít điện năng.
- B. Tốc độ, độ tin cậy cao hơn, dung lượng bộ nhớ lớn hơn.
- C. Thông minh hơn và giá thành hợp lí hơn.
- D. Cả 3 đáp án trên.**

Câu 12. Theo em, vì sao chiếc máy tính em dùng lại được gọi là máy tính điện tử?

- A. Vì máy tính hoạt động dựa trên nguồn điện
- B. Vì có người đặt tên
- C. Kiến trúc của máy tính dựa trên nguyên lí Von Neumann
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

Câu 13. Theo em, máy tính thu nhỏ dần kích thước tới mức như một điện thoại thông minh thì có ưu điểm gì?

- A. Kích thước nhỏ, gọn
- B. Dễ sử dụng
- C. Chạy nhanh và đáng tin cậy
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

Câu 14. Vì sao máy tính cá nhân ngày càng trở nên thông dụng?

- A. Nhiều chức năng tích hợp
- B. Dễ sử dụng
- C. Kích thước nhỏ, tiện lợi
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

Câu 15. Bộ xử lý là linh kiện máy tính dựa trên công nghệ nào?

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Linh kiện bán dẫn đơn giản
- C. Mạch tích hợp hàng chục, hàng trăm linh kiện bán dẫn
- D. Mạch tích hợp cỡ lớn, gồm hàng chục nghìn đến hàng triệu linh kiện bán dẫn**

Câu 16. Máy tính sử dụng ống chân không hoặc van nhiệt điện, đầu vào dùng thẻ đục lỗ và băng giấy, kết quả được in ra giấy là máy tính thế hệ nào?

- A. Máy tính thế hệ thứ nhất
- B. Máy tính thế hệ thứ hai**
- C. Máy tính thế hệ thứ ba
- D. Máy tính thế hệ thứ tư

Câu 17. Nguyên lý nào đã đặt nền móng cho sự phát triển của máy tính điện tử?

- A. Nguyên lý Von Neumann**
- B. Nguyên lý năng lượng mặt trời
- C. Nguyên lý archimedes
- D. Đáp án khác

Câu 18: Máy tính được phát triển từ những năm 1990 sử dụng công nghệ

- A. Bóng bán dẫn
- B. Mạch tích hợp
- C. Vi xử lí VLSI
- D. Vi xử lí ULSI

Câu 19: Máy tính thế hệ thứ nhất có tốc độ xử lí bao nhiêu phép tính mỗi giây?

- A. Vài chục nghìn
- B. Vài nghìn
- C. Hàng triệu
- D. Hàng tỉ

Câu 20. Công nghệ được sử dụng ở thế hệ máy tính thứ hai là?

- A. Bóng bán dẫn và lõi từ (magnetic core)
- B. Ống chân không hoặc van nhiệt điện; đầu vào dùng thẻ đục lỗ và băng giấy; kết quả được in ra giấy.**
- C. Mạch tích hợp (IC)
- D. Tích hợp quy mô rất lớn, gồm hàng trăm nghìn thành phần trên một chip silicon duy nhất

CHỦ ĐỀ 2. TỔ CHỨC, LƯU TRỮ VÀ TÌM KIẾM THÔNG TIN

BÀI 2. THÔNG TIN TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

Câu 1: Thông tin kĩ thuật số là

- A. Nguồn thông tin số không lồ, phổ dụng nhất hiện nay.
- B. Thông tin được thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kĩ thuật số.
- C. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lí, truyền, trao đổi.

D. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền, trao đổi thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kỹ thuật số.

Câu 2: Đặc điểm của thông tin trên Internet là?

- A. Nguồn thông tin không lồ, đa dạng, phong phú.
- B. Thường xuyên được cập nhật; có thể tìm kiếm dễ dàng, nhanh chóng.
- C. Có nguồn thông tin đáng tin cậy nhưng cũng có nguồn thông tin không thực sự đáng tin cậy.
- D. Cả ba đặc điểm trên.

Câu 3: Thông tin số có những đặc điểm chính là?

- A. Thông tin số dễ dàng được nhân bản và lan truyền nhưng khó bị xóa bỏ hoàn toàn.
- B. Thông tin số có thể được truy cập từ xa nếu người quản lý thông tin đó cho phép.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây “không” thuộc về thông tin số?

- A. Nhiều người có thể truy cập đồng thời.
- B. Chỉ một người sử dụng tại một thời điểm.
- C. Có công cụ hỗ trợ tìm kiếm, xử lý, chuyển đổi hiệu quả.
- D. Có thể truy cập từ xa.

Câu 5. Đặc điểm của thông tin số là gì?

- A. Hạn chế ở một số lĩnh vực
- B. Đa dạng và được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân.
- C. Hoàn toàn đảm bảo độ tin cậy.
- D. Không có các công cụ để xử lý, chuyển đổi.

Câu 6: Để tìm hiểu về cách sử dụng một chiếc máy ảnh mới, nguồn thông tin nào sau đây cần được tham khảo nhất?

- A. Hướng dẫn của một người đã từng chụp ảnh.
- B. Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- C. Hướng dẫn của một người giỏi Tin học.
- D. Câu trả lời trên một số diễn đàn về chụp ảnh.

Câu 7: Những hành vi nào nên làm khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số?

- A. Trong lớp học trực tuyến, một số học sinh tạo nhóm Zalo để trao đổi đáp án khi làm bài kiểm tra.
- B. Chuyển sang chế độ im lặng hoặc tắt điện thoại khi đang ở trong lớp học, buổi học, ...
- C. Cả A và B đúng.
- D. Cả A và B sai

Câu 8. Em hãy chọn phương án ghép đúng.

Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn,

- A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.
- B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.
- C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.
- D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.

Câu 9. Chọn phương án ghép sai.

Việc xác định thông tin đáng tin cậy và biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy rất quan trọng vì:

A. Thông tin đáng tin cậy giúp em đưa ra những quyết định đúng đắn.

B. Thông tin đơn thời dễ dẫn đến kết luận đúng đắn.

C. Thông tin thiếu kiểm chứng dẫn em đến quyết định sai lầm.

D. Thông tin không trung thực, mang tính chất lừa dối

Câu 10. Công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phổ biến nhất hiện nay?

A. Bing.

B. Google.

C. Yahoo.

D. Facebook

Câu 1. Theo em, trong hoạt động thường xuyên hằng ngày, các tổ chức (cơ quan, doanh nghiệp) sử dụng thông tin từ nguồn nào sau đây?

A. Từ kết quả tìm kiếm trên Internet.

B. Từ một cá nhân nào đó trên mạng.

C. Từ dữ liệu được thu thập và quản trị bởi các tổ chức đó.

D. Dữ liệu dùng chung trên Internet

Câu 12. Em hãy điền vào ý còn thiếu ở dấu ba chấm. Khi thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thông tin để tạo 1 bài trình chiếu em tiến hành: Hình thành ý tưởng và cấu trúc bài trình chiếu, tìm kiếm và đánh giá thông tin, ...

A. Xử lý

B. Trao đổi thông tin

C. Xử lý và trao đổi thông tin

D. Tìm kiếm và trao đổi thông tin.

BÀI 3. THỰC HÀNH KHAI THÁC THÔNG TIN SỐ

Câu 1. Để tìm hiểu về cách sử dụng một chiếc máy ảnh mới, nguồn thông tin nào sau đây cần được tham khảo nhất?

A. Hướng dẫn của một người đã từng chụp ảnh.

B. Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

C. Hướng dẫn sử dụng của một người giỏi Tin học.

D. Câu trả lời trên một số diễn đàn về chụp ảnh.

Câu 2. Để tìm hiểu về một đội bóng đá ở Châu Phi, nguồn thông tin nào sau đây đáng tin cậy nhất?

A. Nguồn tin từ câu lạc bộ người hâm mộ đội bóng đó.

B. Nguồn tin từ câu lạc bộ của đội bóng đối thủ.

C. Nguồn tin từ Liên đoàn bóng đá Châu Phi.

D. Nguồn tin từ diễn đàn Bóng đá Việt Nam.

Câu 3. Mức độ tin cậy của thông tin phù hợp với các tiêu chí đánh giá như mục đích, chứng cứ, thời gian và

A. Nguồn gốc.

B. Giá tiền

C. Độ lan toả.

D. Số lượt xem

Câu 4: Thông tin trong những trường hợp nào sau đây là không đáng tin cậy?

A. Thông tin trên website có tên miền là .gov.

B. Bài viết của một cá nhân đăng tải trên mạng xã hội với mục đích bôi nhọ người khác.

C. Bài viết hướng dẫn phòng tránh dịch bệnh trên trang web của cơ quan y tế.

D. Bài viết trên tài khoản mạng xã hội của một nhà báo có uy tín và có trích dẫn nguồn thông tin từ trang web của Chính phủ.

Câu 5: Khi khai thác thông tin trên Internet, em sẽ dựa vào yếu tố nào để xác định được độ tin cậy của thông tin?

- A. Tác giả viết bài là người có uy tín, trách nhiệm, trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực của bài viết.
- B. Bài viết có trích dẫn dẫn chứng, nguồn thông tin sử dụng trong bài.
- C. Nguồn thông tin từ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- D. Tất cả đáp án trên.**

Câu 6: Phương tiện kĩ thuật em có thể lựa chọn để chia sẻ bài trình chiếu là?

- A. Thư điện tử.
- B. Mạng xã hội.
- C. Không gian lưu trữ dùng chung.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.**

Câu 7: Khi tìm kiếm thông tin cần?

- A. Tìm các thông tin một cách tùy ý, ngẫu nhiên.
- B. Tìm các thông tin có nguồn gốc rõ ràng.**
- C. Tìm kiếm các thông tin được đăng tải từ rất lâu.
- D. Tìm các thông tin trên các trang không uy tín.

Câu 8: Chọn phương án sai.

Để đánh giá độ tin cậy của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề đặt ra, ta cần căn cứ vào:

- A. Nguồn thông tin, tác giả của bài viết.
- B. Mục đích của bài viết.
- C. Tính cập nhật của bài viết.
- D. Số lượt chia sẻ, bình luận, thích (like) bài viết.**

Câu 9. Ví dụ phát biểu: “Tôi tin rằng việc đó đã xảy ra”. Em chọn gợi ý nào sau đây để giúp em xác định được thông tin đáng tin cậy hay không?

- A. Xác định nguồn thông tin.
- B. Phân biệt ý kiến và sự kiện.**
- C. Kiểm tra chứng cứ của kết luận.
- D. Đánh giá tính thời sự của thông tin.

Câu 10. Ví dụ phát biểu: “Tôi nghĩ đây là bộ phim hoạt hình hay nhất mọi thời đại”. Em chọn gợi ý nào sau đây để giúp em xác định được thông tin đáng tin cậy hay không?

- A. Xác định nguồn thông tin.
- B. Đánh giá tính thời sự của thông tin.
- C. Kiểm tra chứng cứ của kết luận.
- D. Phân biệt ý kiến và sự kiện.**

CHỦ ĐỀ 3. ĐẠO ĐỨC , PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

Câu 1: Đâu là hành vi không có đạo đức, văn hóa khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số?

- A. Sử dụng tai nghe khi nghe ca nhạc, xem phim, chơi trò chơi điện tử ở nơi có nhiều người.
- B. Luôn cố gắng trả lời tin nhắn sớm nhất có thể.
- C. Tùy ý sử dụng bất kì hình ảnh, âm thanh nào để làm màn hình nền, nhạc chờ, nhạc chuông cho điện thoại của bản thân mình.**
- D. Nên nói xin phép, xin lỗi khi phải dừng trao đổi với bạn để nghe điện thoại.

Câu 2: Tình huống nào dưới đây là vi phạm quy định của pháp luật?

- A. Nghe nhạc to ở nơi công cộng.

B. Khách du lịch tự ý quay phim, chụp ảnh ở khu vực quốc phòng, an ninh.

C. Minh tự ý sử dụng điện thoại thông minh để làm bài tập trên lớp.

D. My lén dùng điện thoại để lướt Facebook trong tiết học.

Câu 3. Hành động nào sau đây không vi phạm đạo đức và pháp luật?

A. Đăng tải thông tin sai sự thật lên mạng.

B. Cố ý nghe, ghi âm trái phép các cuộc trò chuyện.

C. Tải một bài trình chiếu của người khác từ internet và sử dụng như là của mình tạo ra.

D. Tặng đĩa nhạc có bản quyền em đã mua cho người khác.

Câu 4. Hành động nào dưới đây là không vi phạm đạo đức, pháp luật và văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.

A. Chia sẻ thông tin mua bán động vật hoang dã quý hiếm.

B. Quay và lan truyền video bạo lực học đường.

C. Sáng tác một bài thơ về lớp và gửi bạn bè cùng đọc.

D. Tham gia cá cược bóng đá qua internet.

Câu 5: Hành động nào dưới đây vi phạm pháp luật khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số?

A. Đăng tải hình ảnh gia đình sum họp ngày Tết.

B. Chặn các hình ảnh, video quảng cáo về cá cược bóng đá qua Internet.

C. Chia sẻ thông tin mua bán động vật hoang dã quý hiếm.

D. Bình luận chào hỏi trên Facebook.

Câu 6: Sao chép, chỉnh sửa, chia sẻ sản phẩm số khi chưa được phép là

A. vi phạm bản quyền.

B. vi phạm danh dự, nhân phẩm người khác.

C. vi phạm quyền riêng tư.

D. vi phạm quyền sáng tác.

Câu 7: Đặc điểm nào của sản phẩm số trên mạng khiến hành vi vi phạm bản quyền trở nên phổ biến?

A. Được lưu truyền rộng rãi, không giới hạn thời gian.

B. Dễ dàng chia sẻ với nhiều đối tượng.

C. Dễ bị lấy, phát tán, sửa đổi, khó thu hồi, xóa bỏ.

D. Tất cả đáp án trên

CHỦ ĐỀ 4. ỨNG DỤNG TIN HỌC (BÀI 5,6,7)

Câu 1: Trong Excel, địa chỉ sau đây là địa chỉ tuyệt đối cột và tương đối hàng?

A. C\$1:D\$11

B. \$C\$1:\$D\$11

C. C\$1:\$D\$11

D. \$C1:\$D11

Câu 2: Cho công thức tại ô E4 là =C4+D4, khi sao chép công thức này đến ô E5 thì công thức tại ô E5 là =C5+D5. Các địa chỉ C4, D4, C5, D5 trong các công thức trên đều là

A. địa chỉ tuyệt đối

B. địa chỉ tương đối

C. địa chỉ hỗn hợp

D. địa chỉ công thức

Câu 3: Chương trình bảng tính sử dụng mấy loại địa chỉ ô?

A. 3

B. 2

C. 1

D. 4

Câu 4: Trong excel, để địa chỉ cột (hoặc địa chỉ hàng) của ô tính không thay đổi khi sao chép công thức, ta cần thêm dấu nào vào trước tên cột (hoặc tên hàng)?

A. *

B. ‘

C. “

D. \$

Câu 5: Nếu sao chép công thức E4 là =C4*D4 đến ô E9 thì công thức trong ô E9 là

A. =C4*D4

B. =C4+D4

C. =C9*D9

D. =C9*D9

Câu 6: Địa chỉ nào dưới đây không phải loại địa chỉ ô trong chương trình bảng tính?

A. địa chỉ tương đương

B. địa chỉ tương đối

C. địa chỉ tuyệt đối

D. Địa chỉ hỗn hợp

Câu 7: Một trong những ưu điểm nổi bật của chương trình bảng tính là

A. tính toán ngắt quãng

B. tính toán liên tục

C. tính toán tự động

D. tính toán không cần địa chỉ ô

Câu 8: Cho công thức tại ô tính E4 là =C4+D4, khi sao chép công thức tại ô tính E4 đến ô tính E5, địa chỉ hàng của các ô tính trong công thức

A. không thay đổi

B. giảm xuống 1

C. bằng 4

D. tăng lên 1

Câu 9: Cho công thức tại ô tính E4 là =C4+D4, khi sao chép công thức tại ô tính E4 đến ô tính E5, địa chỉ cột của ô tính chứa công thức là cột

A. C

B. E

C. D

D. C, D

Câu 10. Công thức nào sau đây sẽ không thay đổi giá trị dòng khi thực hiện sao chép?

A. =SUM(A\$1:A\$4)

B. =SUM(\$A1:\$A4)

C. =SUM(A1:\$A4)

D. =SUM(\$A1:A4)

Câu 11: Giả sử ô A2 có nền màu xanh và chữ màu vàng. Ô B2 có nền màu trắng và chữ màu đen. Nếu sao chép ô A2 vào ô B2 thì ô B2 sẽ có:

A. Nền màu trắng và chữ màu đen

B. Nền màu xanh và chữ màu đen

C. Nền màu xanh và chữ màu vàng

D. Tất cả đều sai

Câu 12: Trên trang tính, tại ô A1=5; B1=10; tại C1=A1+B1, sao chép công thức tại ô C1 sang ô D1, thì công thức tại ô D1 là:

A. A1+B1

B. B1+C1

C. A1+C1

D. C1+D1

Câu 13: Đâu là địa chỉ ô được sử dụng trong chương trình bảng tính?

A. Địa chỉ tương đối

B. Địa chỉ tuyệt đối

C. Địa chỉ hỗn hợp

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 14: Tùy chọn Text Filters sẽ xuất hiện khi nháy chuột vào nút lệnh lọc dữ liệu nếu?

A. Các ô trong cột đó chứa dữ liệu kí tự

B. Các ô trong cột đó chứa dữ liệu số

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 15: Tùy chọn Number Filters sẽ xuất hiện khi nháy chuột vào nút lệnh lọc dữ liệu nếu?

A. Các ô trong cột đó chứa dữ liệu kí tự

B. Các ô trong cột đó chứa dữ liệu số

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 16: Địa chỉ tuyệt đối có kí hiệu nào trước tên cột và trước tên hàng?

A. \$

B. &

C. #

D. %

Câu 17: Trong công thức Doanh thu của công ty = Doanh thu x Tỷ lệ, giá trị nào là cố định?

- A. Tỷ lệ
B. Doanh thu của công ty
C. Doanh thu
D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 18: Muốn xóa bỏ tiêu chí sắp xếp ta chọn?

- A. Copy Level
B. Add Level
C. Delete Level
D. Clear

Câu 19: Muốn thêm tiêu chí sắp xếp ta chọn?

- A. Copy Level
B. Add Level
C. Delete Level
D. Clear

Câu 20: Trong thẻ Data, tại nhóm Sort & Filter, chọn lệnh nào thì nút lệnh lọc dữ liệu sẽ xuất hiện ở tất cả các ô thuộc dòng tiêu đề?

- A. Sort
B. Filter
C. Clear
D. Advanced

Câu 21: Hãy chọn những phát biểu mô tả đúng về biểu đồ.

- A. Biểu đồ được sử dụng để hiển thị các xu hướng thay đổi.
B. Biểu đồ được sử dụng để lọc dữ liệu
C. Biểu đồ được sử dụng chỉ để hiển thị dữ liệu trong các cột.
D. Biểu đồ được sử dụng chỉ để hiển thị dữ liệu trong các dòng.

Câu 22: Tình huống nào dưới đây không cần sử dụng biểu đồ?

- A. Thể hiện lượng mưa trong một năm
B. Thể hiện chiều cao của một lớp học
C. Khái niệm và đặc trưng của máy tính để bàn
D. Dự đoán xu hướng tăng hay giảm của dữ liệu

Câu 23. Cách nhập kí hiệu \$ cho địa chỉ tuyệt đối là

- A. Gõ kí hiệu \$ từ bàn phím khi nhập địa chỉ ô.
B. Sau khi nhập đã chỉ tương đối, nhấn phím F4 để chuyển thành địa chỉ tuyệt đối.
C. Sau khi nhập địa chỉ tương đối, nhấn phím F2 để chuyển thành địa chỉ tuyệt đối.
D. Thực hiện được theo cả hai cách A và B.

Câu 24. Để chèn biểu đồ hình quạt, trong thẻ Insert, tại nhóm charts, ta chọn lệnh?

- A. Column
B. Line
C. Pie
D. Bar

Câu 25. Để chèn biểu đồ đường thẳng, trong thẻ Insert, tại nhóm charts, ta chọn lệnh?

- A. Column
B. Line
C. Pie
D. Bar

Câu 26. Để chèn biểu đồ hình cột, trong thẻ Insert, tại nhóm charts, ta chọn lệnh?

- A. Column
B. Line
C. Pie
D. Bar